TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Tấn Hải;
2. Bà Ngô Hồng Điệp;

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – T ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 577/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Minh T, sinh năm: 2002; Địa chỉ: Ấp 7, xã T.A, huyện C, tỉnh L, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Trọng H, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Ấp 7, xã T.A, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Minh T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Chị T và anh H tổ chức lễ cưới năm 2019. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn khoảng 01 năm. Vợ chồng chị có tiến hành đăng ký kết hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã T.A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55/2020, ngày 10/9/2020. Theo chị T thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong thời gian chị T mang thai thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo làm để chăm lo cho vợ con, từ sau dịch đến nay, anh H không đi làm để phụ nuôi con, dù chị T có khuyên nhưng anh H cũng không chịu đi làm. Chị T có nhờ cha mẹ chồng tác động, nhưng cha mẹ chồng cũng không có ý kiến gì. Chị T nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Phương N, sinh ngà 10/7/2020. Hiện nay, cháu N do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Trọng H. Anh H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Trọng H có nơi cư trú tại ấp 7, xã T.A, huyện C, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Phạm Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Phạm Trọng H.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Minh T và anh Phạm Trọng H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 55/2020, ngày 10/9/2020 nên xác định hôn nhân của vợ chồng là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chị T mang thai thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo làm để chăm lo cho vợ con, từ sau dịch đến nay, anh H không đi làm để phụ nuôi con, dù chị T có khuyên nhưng anh H cũng không chịu đi làm. Chị T có nhờ cha mẹ chồng tác động, nhưng cha mẹ chồng cũng không có ý kiến gì. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn về phía anh H, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Phương N, sinh ngà 10/7/2020. Hiện nay, cháu N do chị T nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu N hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi đồng thời từ trước tới nay do chị T chăm sóc cháu N để đảm bảo điều kiện phát triển cho cháu N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T nuôi dưỡng cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu, anh H không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, anh H không có ý kiến về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Minh T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Trọng H.

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Minh T được ly hôn với anh Phạm Trọng H.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị Minh T nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Phương N, sinh ngà 10/7/2020. Anh Phạm Trọng H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000943 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T.A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân